

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 46/2021/HS-ST
Ngày 07 tháng 7 năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thành Trung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Minh**

- Ông **Đặng Ngọc Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Đình Tú** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và 07 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2021/HSST ngày 14 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Đoàn Văn T, sinh năm: 1975, tại: C, Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn N và bà Ngô Thị M; có vợ và có 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh **Võ Minh H**, sinh năm: 1979; nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị **Lâm Thị E**, sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Chị **Đặng Thị Ánh N**, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị **Lâm Thị Thu T**, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh **Dương Minh K**, sinh năm: 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố S, Phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Văn T và Võ Minh H có nhà ở cạnh nhau tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. T cho rằng H đã nhiều lần có hành vi quét rác vào nhà của T và T đã nhắc nhở H nhiều lần nhưng không được.

Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 09 tháng 8 năm 2020, T thấy H đang quét dọn vệ sinh trên khu vực đường đi gần nhà T và H. T cho rằng H tiếp tục quét rác vào nhà T nên xảy ra kinh cãi. T dùng tay đánh một cái hướng từ dưới lên trúng vào mặt H gây thương tích.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, Võ Minh H có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với Đoàn Văn T.

Tại bản kết luận pháp y về thương tích số 322/TgT-TTPY ngày 05 tháng 10 năm 2020, Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa kết luận: Anh Võ Minh H bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 26%.

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKSCR-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Đoàn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Kết tội bị cáo Đoàn Văn T theo nội dung bản cáo trạng và xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, sau khi đã cân nhắc tính chất, mức độ phạm tội; nhân thân của bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm b, i và s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về các khoản và mức bồi thường mà hai bên đã thống nhất tại phiên tòa.

- Bị cáo Đoàn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- Bị hại Võ Minh H đề nghị:

+ Xử lý bị cáo theo tình tiết “Dùng hung khí nguy hiểm”, vì bị cáo dùng chìa khóa xe máy gây thương tích cho bị hại và xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

+ Buộc bị cáo bồi thường tổng cộng 124.766.592 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi hai đồng), gồm các khoản thiệt hại cụ thể như sau:

+ Chi phí điều trị thương tích và giám định: 14.216.592 đồng (mười bốn triệu hai trăm mười sáu nghìn năm trăm chín mươi hai đồng).

+ Tiền thuê xe taxi đi, về (C - N, N - C) trong quá trình điều trị thương tích: 750.000 đồng/lượt (đi và về) x 7 lượt (đi và về) = 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Tiền mất thu nhập do không lao động được: 400.000 đồng/ngày x 36 ngày = 14.400.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Thu nhập bị giảm sút: 200.000 đồng/ngày x 150 ngày = 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

+ Chi phí ăn uống, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 100.000 đồng/ngày x 60 ngày = 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)

+ Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: 1.490.000 đồng x 10 tháng = 14.900.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

+ Chi phí tháo vít: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+ Chi phí thẩm mỹ: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lâm Thị E yêu cầu được bồi thường tiền thu nhập bị mất do phải chăm sóc bị hại trong 36 ngày: 200.000 đồng/ngày x 36 ngày = 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án đã được cơ quan điều tra làm rõ, các chứng cứ của vụ án đã được cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập đầy đủ; hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1.2. Những người làm chứng Lâm Thị Thu T và Dương Minh K vắng mặt tại phiên tòa, nhưng sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Văn T đã nhận những hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ khác đã được Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy, đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 09 tháng 8 năm 2020, tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, Đoàn Văn T đã có hành vi dùng tay đánh vào mặt anh Võ Minh H gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 26%. Hành vi đó của bị cáo đã đủ các yếu tố cần thiết cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo theo Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Nhưng xét toàn diện vụ án theo diễn biến của sự việc, Hội đồng xét xử thấy: Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, nhưng Đoàn Văn T không kiềm chế bản thân, ngay tức khắc dùng vũ lực gây thương tích cho bị hại. Hành vi này thể hiện tính côn đồ hung hãn. Do đó, cần kết án bị cáo theo Điểm đ Khoản 2 (dẫn chiếu Điểm i Khoản 1: “Có tính chất côn đồ”) Điều 134 của Bộ luật Hình sự mới đúng với tính chất của hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà tích cực cải tạo trở thành công dân tốt.

Tại phiên tòa, bị cáo trực tiếp giao cho bị hại 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để bồi thường một phần thiệt hại, nhưng bị hại từ chối nhận số tiền này. Hội đồng xét xử thấy: Với số tiền mà bị cáo bồi thường cho bị hại tại phiên tòa là không đáng kể so với thiệt hại mà bị cáo đã gây ra, nên không có cơ sở để áp dụng thêm tình tiết “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Bị hại Võ Minh H cho rằng, bị cáo dùng chìa khóa xe máy (là vật nhọn) gây thương tích cho bị hại, từ đó đề nghị xử lý bị cáo theo tình tiết “Dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại Điểm đ Khoản 2 (dẫn chiếu Điểm a Khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Về vấn đề này, bị cáo không thừa nhận; bị hại lúc thì khai bị cáo dùng chìa khóa xe máy đánh bị hại, lúc thì khai không biết có cầm vật gì hay không, lúc thì khai đánh bằng tay (bút lục 38). Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 05 tháng 7 năm 2021 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tiến hành trong thời gian Tòa án tạm ngừng phiên tòa, cơ quan giám định kết luận: thương tích của bị hại do vật tày gây ra. Vì vậy, không có căn cứ xác định bị cáo đã dùng chìa khóa xe máy (là vật nhọn) gây thương tích cho bị hại. Do đó, không đủ cơ sở để kết án bị cáo theo tình tiết “Dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại Điểm đ khoản 2 (dẫn chiếu Điểm a Khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thống nhất thỏa thuận được với nhau về các khoản và mức bồi thường thiệt hại mà bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu.

Sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Như vậy, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Võ Minh H với tổng số tiền là 124.766.592 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi hai đồng); bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lâm Thị E 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

[4]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

- Căn cứ Điểm đ Khoản 2 (dẫn chiếu Điểm i Khoản 1) Điều 134; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T,

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 585; Khoản 1 Điều 586; Điều 590 của Bộ luật Dân sự,

2.1. Buộc bị cáo Đoàn Văn T phải bồi thường cho anh Võ Minh H 124.766.592 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi hai đồng).

2.2. Buộc bị cáo Đoàn Văn T phải bồi thường cho chị Lâm Thị E 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

2.3. Quy định:

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.598.329 đồng (sáu triệu năm trăm chín mươi tám nghìn ba trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07 tháng 7 năm 2021), đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố C;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố C;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố C;
- Chi cục THA dân sự thành phố C;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thành Trung